TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đao Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Sinh;

Ông Lành Văn Thủy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Điêu Thị Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: chị Mùa Thị T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Bản Co L, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lường Văn Bình – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

***2. Bị đơn*:** Anh Hạng A Th, sinh năm 1978; Địa chỉ: Bản Co L, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Pờ Go Loòng– Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Mùa Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mùa Thị T và anh Hạng A Th tự nguyện lấy nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán dân tộc Mông, sau đó chung sống từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị

chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Th có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không chăm lo cho gia đình, giữa anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị Mùa Thị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hạng A Th.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng chị Mùa Thị T và anh Hạng A Th có với nhau 04 người con chung gồm: Hạng Thị C, sinh ngày 17/7/2000, Hạng Thị L, sinh ngày 18/9/2004, Hạng A Th, sinh ngày 17/10/2021, Hạng A Tr, sinh ngày 25/9/2023. Các cháu Hạng Thị C, Hạng Thị L đều trưởng thành và gia đình riêng nên chị T không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị T yêu cầu Tòa án giao cho anh Hạng A Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung chưa thành niên Hạng A Th, Hạng A Tr và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung*:* Chị Mùa Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải anh Hạng A Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hạng A Th khẳng định thời điểm sống chung không có đăng ký kết hôn, về quá trình chung sống và thời điểm phát sinh mâu thuẫn, ly thân như chị T trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh Hạng A Th cũng cho rằng giữa anh chị bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung. Anh Hạng A Th thừa nhận đã có quan hệ tình cảm và chung sống công khai với người phụ nữ khác. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Hạng A Th nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị Mùa Thị T đề nghị Toà án không công nhận anh chị là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Anh Hạng A Th công nhận anh và chị Mùa Thị T có 04 con chung như chị T trình bày là đúng. Các cháu Hạng Thị C, Hạng Thị L đã trưởng thành nên anh Th không có ý kiến gì. Các cháu Hạng A Th, Hạng A Tr hiện đang sống cùng anh Th. Nguyện vọng của anh Hạng A Th khi ly hôn là được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Hạng A Th, Hạng A Tr cho đến khi trưởng thành. Anh Hạng A Th không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Hạng A Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án nhân dân huyện M thụ lý vụ án và quá trình xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên xác định: Chị Mùa Thị T, anh Hạng A Th sống chung như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh chị sinh sống và đăng ký thường trú tại Bản Co L, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên do anh Hạng A Th là chủ hộ. Chị Mùa Thị T và anh Hạng A Th có 04 người con chung gồm: Hạng Thị C, sinh ngày 17/7/2000, Hạng Thị L, sinh ngày 18/9/2004, Hạng A Th, sinh ngày 17/10/2021, Hạng A Tr, sinh ngày 25/9/2023. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải về việc giải quyết nuôi con chung, tài sản chung. Tại phiên hoà giải chị Mùa Thị T và anh Hạng A Th đã thoả thuận được việc nuôi con khi ly hôn, yêu cầu Toà án ghi nhận: Giao cho anh Hạng A Th trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Hạng A Th, Hạng A Tr đến khi trưởng thành và không yêu cầu tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Mùa Thị T và anh Hạng A Th đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Mùa Thị T, anh Hạng A Th đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự yêu cầu Tòa án căn cứ vào biên bản ghi lời khai và ý kiến đã trình bày tại phiên họp hòa giải để xem xét giải quyết vụ án theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Lường Văn Bình trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự đã giao nộp và ý kiến cả các bên trong quá trình giải quyết vụ án để xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên bố không công nhận chị Mùa Thị T và anh Hạng A Th là vợ chồng; ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị T, anh Th về việc nuôi con chung: Giao cho anh Hạng A Th trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Hạng A Th, sinh ngày 17/10/2021, Hạng A Tr, sinh ngày 25/9/2023 đến khi trưởng thành và ghi nhận việc anh chị không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với các con chung Hạng Thị C, Hạng Thị L đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về tài sản do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Pờ Go Loòng trình bày: Chị Mùa Thị T và anh Hạng A Th sống chung như vợ chồng từ năm 1998 mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 2020 giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp dẫn đến không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T, anh Th. Về việc nuôi con chung xét thấy chị Mùa Thị T và anh Hạng A Th đều làm nông nghiệp, có khả năng và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục như nhau. Các cháu Hạng A Th, Hạng A Tr đang sinh sống ổn định với anh Hạng A Th. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, giao hai con chung chưa thành niên Hạng A Th, Hạng A Tr cho anh Hạng A Th trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung các bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với các con chung Hạng Thị C, Hạng Thị L đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về tài sản do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 68, Điều 69, khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mùa Thị T, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mùa Thị T và anh Hạng A Th.

Về con chung: Đề nghị ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự: Giao cho anh Hạng A Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Hạng A Th, sinh ngày 17/10/2021, Hạng A Tr, sinh ngày 25/9/2023 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Các cháu Hạng Thị C, Hạng Thị L đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mùa Thị T xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Hạng A Th có hộ khẩu thường trú tại Bản Co L, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Ngày 28/5/2025, Tòa án mở phiên tòa, chị Mùa Thị T và anh Hạng A Th đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là chị Mùa Thị T, anh Hạng A Th.

[2]. Về điều luật áp dụng: Chị Mùa Thị T và anh Hạng A Th chung sống như vợ chồng từ năm 1998 mà không đăng ký kết hôn. Theo hướng dẫn tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[3].Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Mùa Thị T và anh Hạng A Th sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998, chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục dân tộc Mông mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đã vi phạm khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Từ năm 1998 đến nay, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng chị T, anh Th vẫn không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Mùa Thị T và anh Hạng A Th là không hợp pháp.

Từ năm 2020 anh chị nảy sinh mâu thuẫn, các đương sự đều thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh Th có quan hệ tình cảm công khai với người phụ nữ khác. Xét thấy giữa anh chị không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mùa Thị T và anh Hạng A Th.

[3.2]. Về con chung:

Trong thời gian chung sống như vợ chồng chị Mùa Thị T, anh Hạng A Th có 04 con chung: Hạng Thị C, sinh ngày 17/7/2000, Hạng Thị L, sinh ngày 18/9/2004, Hạng A Th, sinh ngày 17/10/2021, Hạng A Tr, sinh ngày 25/9/2023. Các cháu Hạng Thị C, Hạng Thị L đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại phiên hoà giải và trong đơn xin xét xử vắng mặt chị T, anh Th đã thoả thuận được việc nuôi con chung sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng chị Mùa Thị T, anh Hạng A Th đều làm nông nghiệp, có điều kiện và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung như nhau. Xét thấy thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 15, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cho anh Hạng A Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Hạng A Th, Hạng A Tr cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Mùa Thị T và anh Hạng A Th không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mùa Thị T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn đề nghị miễn nộp tạm ứng án phí, án phí. Vì vậy, cần áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Mùa Thị T.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điều 9, Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mùa Thị T và anh Hạng A Th.

2. Về con chung:

Chị Mùa Thị T và anh Hạng A Th có 04 con chung là: Hạng Thị C, sinh ngày 17/7/2000, Hạng Thị L, sinh ngày 18/9/2004, Hạng A Th, sinh ngày 17/10/2021, Hạng A Tr, sinh ngày 25/9/2023.

Các con chung Hạng Thị C, Hạng Thị L đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với các con chung chưa thành niên: Giao cho anh Hạng A Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con Hạng A Th, sinh ngày 17/10/2021, Hạng A Tr, sinh ngày 25/9/2023.cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

con chung và cấp dưỡng nuôi con chung có thể thay đổi, Toà án sẽ xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật khi có đơn yêu cầu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mùa Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Phòng TT, KT và THA TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và LIHP của NĐ, BĐ;
- UBND xã M;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đao Thị Bích Thảo